ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 17 /2011/QĐ-UBND	*Đà Nẵng, ngày 04 tháng 7 năm 2011*

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH XÃ HỘI TP. ĐÀ NẴNG
Số: 642
ĐẾN Ngày: 06/7
Chuyển:

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Điều 30 Quy chế Cai nghiện ma tuý và quản lý sau cai nghiện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 40/2010/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2010 của Uỷ ban nhân dân thành phố Đà Nẵng

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma tuý ngày 09 tháng 12 năm 2000 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma tuý ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 94/2009/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma tuý về quản lý sau cai nghiện ma tuý;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2007/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2007 của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Tài chính về Hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp đối với cán bộ, viên chức làm việc tại cơ sở quản lý người nghiện ma tuý, người bán dâm và người sau cai nghiện ma tuý;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng tại Công văn số 3131/HĐND-VP ngày 26 tháng 5 năm 2011 và theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Điều 30 Quy chế Cai nghiện ma tuý và quản lý sau cai nghiện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 40/2010/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2010 của Uỷ ban nhân dân thành phố Đà Nẵng như sau:

1. Điều 6 được sửa đổi như sau:

"Điều 6. Độ tuổi, thời gian tập trung cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện

1. Về độ tuổi:

Đối tượng được tham gia cai nghiện (kể cả cai nghiện bắt buộc và cai nghiện tự nguyện) và quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm cai nghiện và quản lý sau cai nghiện là người từ đủ 12 tuổi trở lên. Đối với các trường hợp nam trên 60 tuổi, nữ trên 55 tuổi, không áp dụng biện pháp cai nghiện và quản lý sau cai nghiện bắt buộc.

2. Thời gian cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm

a) Đối với đối tượng sử dụng các chất ma túy dạng thuốc phiện:

- Cai nghiện lần đầu: 12 tháng;
- Tái nghiện: 24 tháng.

b) Đối với đối tượng sử dụng ma túy tổng hợp:

- Cai nghiện lần đầu: 03 tháng;
- Cai nghiện lần thứ 2: 06 tháng;
- Cai nghiện lần thứ 3: 12 tháng;
- Cai nghiện lần thứ 4 trở lên: 24 tháng.

3. Thời gian cai nghiện tự nguyện tại Trung tâm

a) Đối với đối tượng sử dụng các chất ma túy dạng thuốc phiện:

- Cai nghiện lần đầu: 09 tháng;
- Tái nghiện: 18 tháng.

b) Đối với đối tượng sử dụng ma túy tổng hợp:

- Cai nghiện lần đầu: 02 tháng;
- Cai nghiện lần thứ 2: 04 tháng;
- Cai nghiện lần thứ 3: 08 tháng;
- Cai nghiện lần thứ 4 trở lên: 16 tháng.

4. Thời gian quản lý sau cai nghiện

a) Đối với người sử dụng các chất ma túy dạng thuốc phiện:

- Đối với người thật sự tiến bộ: 12 tháng;
- Đối với người cai nghiện chưa thật sự tiến bộ: 24 tháng.

b) Đối với người sử dụng ma túy tổng hợp:

- Đối với người thật sự tiến bộ: 12 tháng;
- Đối với người cai nghiện chưa thật sự tiến bộ: 18 tháng.".

2. Bổ sung Điều 6a sau Điều 6 như sau:

"Điều 6a. Nguyên tắc tính thời gian cai nghiện đối với người sử dụng cả hai loại ma túy, gồm: ma túy dạng thuốc phiện (hêrôin, bồ đà, thuốc phiện...) và ma túy tổng hợp (thuốc lắc)

1. Nguyên tắc 1: Trường hợp đã được công nhận hết thời gian quản lý sau

cai nghiện nhưng tiếp tục sử dụng ma túy thì áp dụng thời gian cai nghiện lần đầu đối với loại ma túy đang sử dụng. Nếu sử dụng cả hai loại ma túy (ma túy dạng thuốc phiện, ma túy tổng hợp) thì áp dụng đối với trường hợp sử dụng ma túy dạng thuốc phiện.

2. Nguyên tắc 2: Trường hợp sử dụng ma túy tổng hợp, chưa hết thời gian quản lý sau cai nghiện mà vẫn tiếp tục sử dụng ma túy dạng thuốc phiện thì thời gian cai nghiện ma túy được tính bằng thời gian cai nghiện ma túy dạng thuốc phiện lần đầu cộng với một phần hai (1/2) thời gian cai nghiện ma túy tổng hợp (thời gian cai nghiện ma túy tổng hợp phụ thuộc số lần cai nghiện trước đó), nhưng tối đa không quá 24 tháng.

3. Nguyên tắc 3: Trường hợp sử dụng ma túy dạng thuốc phiện, chưa hết thời gian quản lý sau cai nghiện mà vẫn tiếp tục sử dụng ma túy tổng hợp thì thời gian cai nghiện ma túy được tính bằng thời gian cai nghiện ma túy tổng hợp lần đầu cộng với một phần hai (1/2) thời gian cai nghiện ma túy dạng thuốc phiện (thời gian cai nghiện ma túy dạng thuốc phiện phụ thuộc số lần cai nghiện trước đó) nhưng tối đa không quá 24 tháng.".

3. Điều 30 được sửa đổi như sau:

"Điều 30. Chế độ phụ cấp đối với công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Trung tâm Giáo dục - Dạy nghề 05-06 thành phố Đà Nẵng được thực hiện như sau:

1. Chế độ phụ cấp được thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Trung ương bao gồm: phụ cấp khu vực, phụ cấp làm thêm giờ, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp độc hại nguy hiểm, phụ cấp trực y tế 24/24 giờ, bồi dưỡng hiện vật do làm việc trong môi trường độc hại nguy hiểm, phụ cấp ưu đãi y tế, phụ cấp ưu đãi giáo dục, phụ cấp ưu đãi đối với người làm công tác quản lý và chế độ phụ cấp cho những người trực tiếp quản lý, điều trị, chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS tại Trung tâm.

Mức phụ cấp các chế độ trên được áp dụng theo quy định của Trung ương và của UBND thành phố tại thời điểm thực hiện.

2. Đối tượng và mức phụ cấp thu hút đặc thù được hưởng hàng tháng như sau:

a) Đối với người làm công tác y tế:

- Bác sĩ: 200% lương theo ngạch bậc cộng phụ cấp chức vụ (nếu có) và 02 lần mức lương tối thiểu tại thời điểm hiện hưởng;

- Những người còn lại làm công tác y tế: 150% lương theo ngạch bậc và 01 lần mức lương tối thiểu tại thời điểm hiện hưởng;

b) Đối với công chức, viên chức và người lao động (trừ những người làm công tác y tế):

- Người có trình độ đại học trở lên được hưởng 150% lương theo ngạch bậc;

- Người có trình độ dưới đại học được hưởng 100% lương theo ngạch bậc;

Ngoài ra, người làm công tác bảo vệ được trợ cấp thêm 01 lần mức lương tối thiểu, người làm công tác quản giáo được trợ cấp thêm 02 lần mức lương tối thiểu tại thời điểm hiện hưởng.

3. Đối với quân nhân dự bị do Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố Đà Nẵng giới thiệu vào làm việc tại Trung tâm, tiền lương và chế độ phụ cấp được hưởng bao gồm:

a) Hệ số lương khởi điểm 1,86 (bậc 3, ngạch nhân viên bảo vệ). Chế độ bảo hiểm xã hội thực hiện theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

b) Các khoản phụ cấp khác thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

4. Đối với sĩ quan quân đội, sĩ quan công an tăng cường cho Trung tâm, ngoài phần lương nhận tại cơ quan nơi công tác, được hỗ trợ thêm 4.000.000 đồng/người/tháng (bốn triệu đồng).

5. Các khoản phụ cấp, hỗ trợ quy định tại Điều này được trả cùng kỳ lương hàng tháng và không sử dụng để làm căn cứ tính đóng, hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

6. Chế độ phụ cấp đối với công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Trung tâm Giáo dục - Dạy nghề 05-06 thành phố Đà Nẵng được thực hiện từ ngày 01 tháng 4 năm 2011.".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố, Chủ tịch UBND các quận, huyện, xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ LĐTBXH, Bộ TC, Bộ CA, Bộ Y tế;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Đoàn ĐBQH TPĐN;
- UBMTTQVN thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Sở Tư pháp;
- BCH Quân sự TP, Công an TP;
- UBND các quận, huyện, xã, phường;
- Trung tâm THVN tại Đà Nẵng;
- Đài PTTH ĐN, Báo Đà Nẵng;
- Trung tâm Công báo thành phố;
- Lưu: VTLT, VX, NCPC.

150

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Văn Minh